

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử
của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 1566

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, số 05/2007/QH12, ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13, ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ thông tư 06/2011/TT-BXD ngày 21/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều qui định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc, qui hoạch xây dựng thực thi Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 14/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Xây dựng

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BXD ngày 17/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc uỷ quyền cho Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường ký Quyết định công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Xét hồ sơ đăng ký công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần FOURTECH, ngày 20 tháng 11 năm 2015 và Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình thuộc Công ty cổ phần FOURTECH, Mã số: LAS-XD 1566; Địa chỉ: Xóm 3 Mỹ Trọng, Xã Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, được thực hiện các phép thử với các tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trong bảng danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này không có hiệu lực khi có sự thay đổi so với nội dung ghi tại điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng cơ sở quản lý phòng thí nghiệm nêu tại Điều 1 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TL. BỘ TRƯỞNG**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG***Nơi nhận:*

- Như điều 3;

- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**Lê Trung Thành**

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1566

(Kèm theo Quyết định số: 645/QĐ-BXD, ngày 24 tháng 11 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:95
3	- XD độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
5	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
6	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
7	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
8	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
9	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
10	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
11	- Thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:06
12	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
13	- XD KLR:KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
14	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06
15	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
16	- XD HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
17	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
18	- Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
19	- XD độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
20	- XD độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
21	- XD hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
22	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06
23	- Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
	BÊ TÔNG NHỰA	
24	- Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
25	- Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11
26	- Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
27	- Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
28	- Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
29	- Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
30	- Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
31	- Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:11
32	- Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
33	- Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
34	- Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
35	- Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
	NHỰA BITUM	
36	- Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
37	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05

38	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
39	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
40	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05
41	- Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05
42	- Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05
43	- Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05
44	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
45	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
46	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
47	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVM 4197:12
48	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12
49	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
50	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
51	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
52	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
53	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06
54	- Xác định đặc trưng hệ số thấm của đất	TCVN 8723:12
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG		
55	- Thử kéo	TCVN 197:2002
56	- Thử uốn	TCVN 198:08
57	- Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10
58	- Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
59	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
60	- Ống thép hàn - Thử siêu âm mối hàn để phát hiện các khuyết tật	TCVN 6116:96
61	- Kiểm tra không phá huỷ mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:87
62	- Kiểm tra không phá huỷ mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
63	- Độ dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đại	22TCN 02-71
64	- Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
65	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN8864:11
66	- Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN8867:11
67	- Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN8861:11
68	- PP xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354: 12
69	- Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
70	- PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN9356:12
71	- Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
72	- Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9152:12
73	- Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
74	- Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945-00
75	- Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:12
76	- Thí nghiệm biến dạng nhỏ(PIT)	TCVN 9397:12
77	Phương pháp xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN9335:12
78	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
79	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
80	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
81	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		

82	- Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
83	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
84	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
85	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
86	- Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09
87	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N		
88	- Thành phần hạt	22TCN 58-84
89	- Lượng mất khi nung	22TCN 58-84
90	- Hàm lượng nước	22TCN 58-84
91	- Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
92	- KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
93	- Hệ số hao nước	22TCN 58-84
94	- Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58-84
95	- KL – TT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58-84
96	- Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58-84
97	- Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58-84
ĐÁT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH		
98	- Xác định đầm nén chặt	22TCN 59-84
99	- Xác định cường độ kháng ép	22TCN 59-84
100	- Xác định mô đun đàn hồi	22TCN 59-84
101	- Xác định độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hoà - sấy	22TCN 59-84
102	- Xác định cường độ kháng kéo	22TCN 59-84
103	- Xác định mô đun đàn hồi cả VL đá gia cố chất kết dính vô cơ	22TCN 72:84
104	- XĐ cường độ ép chẻ của VL hạt liên kết bằng các chất kết dính	22TCN 73:84
105	- Thành phần cấp phối hạt của vật liệu	22TCN 57:84
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG NHẹ		
106	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCXDVN 317:04
107	- Xác định cường độ nén	TCXDVN 317:04
108	- Xác định khối lượng thể tích khô	TCXDVN 317:04
109	- Xác định độ hút nước	TCXDVN 317:04

Ghi chú (*) – Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.